

GIỚI TRONG VIỆC HỘI NHẬP VĂN HÓA - XÃ HỘI (Nghiên cứu trường hợp người Chăm Hồi giáo ở An Giang di cư đến Thành phố Hồ Chí Minh)

NGUYỄN THỊ NHUNG*

Sử dụng dữ liệu điều tra định lượng và định tính vào năm 2022 tại xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP HCM, bài viết tìm hiểu về khía cạnh giới trong hội nhập văn hóa - xã hội của người Chăm Hồi giáo ở An Giang di cư đến TP HCM. Nhìn chung, người Chăm di cư chưa thật sự hội nhập tốt về mặt văn hóa - xã hội trong cuộc sống ở TP HCM. Tuy nhiên, một bộ phận giới trẻ làm công nhân đã thích nghi với môi trường mới và dần hội nhập tốt hơn ở lĩnh vực văn hóa - xã hội, và nam giới hội nhập tốt hơn nữ giới.

Từ khóa: bạn bè, di cư, giải trí, Hồi giáo, hội nhập, giới

Nhận bài ngày: 21/4/2023; đưa vào biên tập: 23/4/2023; phản biện: 15/5/2023; duyệt đăng: 11/7/2023

1. DẪN NHẬP

Hội nhập (Integration) là một khái niệm còn nhiều tranh luận. Tuy nhiên, ở khía cạnh chính sách, hội nhập bao gồm quyền tiếp cận bình đẳng với các nguồn lực, tiếp thu ngôn ngữ quốc gia và tham gia tích cực vào xã hội (Phillimore, 2012), là quá trình mà người di cư được chấp nhận vào xã hội (Pennix, 2003), và là một quá trình thương thảo, liên kết hai chiều giữa những người nhập cư và bối cảnh mà họ hội nhập (Castles và cộng sự, 2003; Modood, 2007; Bhatia & Ram, 2009). Ở khía cạnh học thuật, khái niệm này đã trở thành tâm điểm chú ý của nhiều học giả kể từ những năm 1930 cùng với sự xuất hiện của làn sóng di cư mới (Cheung & Phillimore, 2017). Thoát khỏi các định nghĩa về

hội nhập, nhiều công trình nghiên cứu cả trong lĩnh vực chính sách lẫn học thuật đã tập trung vào việc xác định các chỉ số của sự hội nhập; từ đó cho phép đánh giá về mức độ hội nhập của một cá nhân hoặc một nhóm di cư vào xã hội nơi đến. Khía cạnh giới trong nghiên cứu hội nhập của người di cư gần như bị bỏ quên, theo đánh giá của Cheung và Phillimore (2017) thì các nghiên cứu về giới chủ yếu là nghiên cứu định tính và tập trung vào nghiên cứu phụ nữ mà chưa chú trọng đến sự khác biệt giữa nam giới và nữ giới cũng như nghiên cứu định lượng.

Nghiên cứu di dân từ nông thôn đến thành thị ở các quốc gia phát triển, Rieger và Beegle (1994) đã cho rằng, sự thích nghi với cuộc sống đô thị của người nhập cư có thể là một tiến trình khó khăn và phức tạp trên nhiều khía cạnh. Đó là: 1) những vấn đề về kinh

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

tế, đặc biệt là tìm kiếm một việc làm phù hợp và có thu nhập cao; 2) những khó khăn trong gia đình (domestic difficulties) bao gồm cả việc tìm được một chỗ ở thích hợp; 3) việc tham gia và hòa nhập vào xã hội, gồm cả mối quan hệ bạn bè và việc tham gia vào những tổ chức chính thức (formal organizations) tại cộng đồng mới đến; và 4) sự phát triển những kỹ năng để có thể giải quyết những vấn đề rắc rối hàng ngày của cuộc sống đô thị.

Định cư ở Tây Nam Bộ, cộng đồng người Chăm Hồi giáo có rất ít đất để sản xuất nông nghiệp (Võ Công Nguyên, 2018) và công việc chính của nam giới là đi buôn bán rong và phụ nữ là dệt may thủ công ngay tại nhà và chăm sóc nhà cửa. Tuy nhiên, nghề buôn bán rong ngày càng trở nên khó khăn và nghề dệt cũng dần mai một (Phan Văn Dốp - Nguyễn Thị Nhung, 2018) nên lao động người Chăm (kể cả nam giới và nữ giới) di cư để mưu sinh ngày càng phổ biến. Ở khía cạnh hội nhập văn hóa - xã hội, các nghiên cứu tại cộng đồng nơi đến, chủ yếu là ở TPHCM, nhận định rằng Hồi giáo đã chi phối mọi mặt đời sống xã hội của người Chăm (Huỳnh Ngọc Thu, 2005; Thành Phần, 2005). Các nghiên cứu giới trong cộng đồng di cư người Chăm Hồi giáo còn hạn chế về số lượng ấn phẩm và các nội dung nghiên cứu chưa đặt trong mối quan hệ so sánh giữa nam giới và nữ giới, nhất là về khả năng hội nhập vào xã hội nơi đến. Các nghiên cứu cho rằng phụ nữ người Chăm Hồi giáo thường

ít tiếp xúc với đàn ông và người lạ khác giới, trong khi đàn ông mới là người trụ cột gia đình, tiếp xúc nhiều ngoài xã hội khi đi làm ăn (Võ Thị Mỹ, 2012; Phú Văn Hân - Lý Tùng Hiếu, 2005). Đàn ông người Chăm Hồi giáo thường tham gia những hoạt động kinh tế bên ngoài không gian gia đình như mua bán trong khi đó phụ nữ có xu hướng làm công việc dệt thủ công tại nhà (Taylor, 2006; Nguyễn Thị Thu Thủy, 2011). Một vài nghiên cứu cũng cho rằng hiện nay nhiều phụ nữ người Chăm Hồi giáo đã không còn bị kiểm soát nghiêm ngặt như trước như tham gia làm công nhân trong các xí nghiệp may mặc ở các khu công nghiệp (Võ Thị Mỹ, 2012; Phan Văn Dốp - Nguyễn Thị Nhung, 2006).

Bài viết sử dụng một phần dữ liệu điều tra định lượng và định tính năm 2022 của đề tài nghiên cứu “Khía cạnh giới trong hội nhập của người Chăm An Giang tại TPHCM”⁽¹⁾ để tìm hiểu về khía cạnh giới trong hội nhập văn hóa - xã hội của người Chăm Hồi giáo ở An Giang di cư đến TPHCM.

2. NGUỒN DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu dựa trên dữ liệu được khảo sát tại xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TPHCM. Phần lớn người Chăm đến xã Tân Phú Trung là những cư dân từ xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh An Giang (83,5%)⁽²⁾ và tất cả đều là tín đồ Hồi giáo. Những người Chăm đầu tiên đến xã Tân Phú Trung là vào năm 2001, cho đến nay đa số

họ ở nhà thuê chỉ một số rất ít người Chăm từ các quận nội thành TPHCM như quận Phú Nhuận, quận 8 có nhà riêng. Tổng dân số người Chăm Hồi giáo tại xã Tân Phú Trung tại thời điểm khảo sát là 304 hộ gia đình với 1.080 nhân khẩu⁽³⁾, chiếm 10,3% dân số người Chăm toàn TPHCM⁽⁴⁾. Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống với bước nhảy ($K = 3$)⁽⁵⁾. Số mẫu khảo sát bằng bảng hồi là 105 hộ gia đình, trong đó chọn 5% hộ phỏng vấn sâu cũng theo phương pháp ngẫu nhiên hệ thống. Với phương pháp này, kết quả khảo sát cho thấy có 29,6% (113 người) từ 0 đến 14 tuổi, 65,2% (249 người) từ 15 đến 59 tuổi, và 5,2% (20 người) từ 60 tuổi trở lên. Ngoài ra, nghiên cứu còn có một số cuộc phỏng vấn sâu chủ nhà trọ, người Kinh trong cộng đồng và các thành viên khác trong cộng đồng người Chăm như Giáo cả, giáo viên dạy tiếng Chăm. Đối với những thông tin chung về hộ gia đình, nhóm nghiên cứu phỏng vấn những người chủ hộ hoặc những người am hiểu về hộ gia đình, đối với các cá nhân có việc làm, nhóm nghiên cứu phỏng vấn trực tiếp họ để có được những thông tin chính xác nhất.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Người Chăm Hồi giáo và việc thích nghi với cuộc sống tại nơi đến

Các quy tắc của giáo luật Hồi giáo như một ngày cầu nguyện 5 lần (khoảng hơn 4 giờ sáng, 12 giờ 30, 16

giờ, 18 giờ 15, 19 giờ 30) và phải tuân thủ nhiều quy tắc khác như bồn phận nhịn chay vào tháng Ramadan, kiêng dùng thịt heo và các loại thực phẩm có liên quan đến mỡ... đã được các nhà nghiên cứu đi trước miêu tả rất kỹ (Phan Văn Dốp, 2012, Phan Thị Yến Tuyết, 1993). Vấn đề đặt ra là làm thế nào để người Chăm vừa thích nghi và hội nhập với cuộc sống nơi đến cùng với tộc người khác không theo Hồi giáo (người Việt) đồng thời vừa giữ được những quy tắc khắt khe của Hồi giáo. Đặc biệt là việc ăn uống, ăn mặc và chế độ nghỉ ngơi của những người công nhân làm việc trong các nhà máy, xí nghiệp. Vào tháng nhịn ăn Ramadan, để có sức khỏe và đảm bảo việc làm ổn định thường xuyên, họ không nhịn chay theo giáo luật mà phải nhịn chay bù vào những ngày nghỉ (như chủ nhật). Phỏng vấn Giáo cả⁽⁶⁾ và người dân Chăm, họ cho rằng: *“Nếu người nào sức khỏe tốt thì vừa nhịn vừa làm, còn sức khỏe yếu thì ăn bình thường sau này khỏe thì nhịn bù sao cho đủ ngày là được. Luật Hồi giáo cũng cho phép nhịn bù nhưng sẽ được đức ít hơn”*. Tuy nhiên, phần lớn họ không nhịn bù đủ ngày do công việc và cần có sức khỏe để làm việc. Lúc này, công việc của Giáo cả cũng như mọi người trong cộng đồng cùng nhau động viên, nhắc nhở mọi người về bồn phận nhịn chay. Việc nhắc nhở cũng chỉ mang tính chất ‘tượng trưng’ và mọi người trong cộng đồng cũng bỏ qua cho nhau vì việc làm này thật sự cần thiết cho cuộc sống của họ hơn. Tương tự, trong lúc làm việc, vì

một ngày cầu nguyện năm lần, nên người Chăm cũng phải cầu nguyện bù vào buổi tối hoặc bất cứ lúc nào rảnh rỗi: “vì ai cũng nghĩ là sẽ mang tội lỗi nếu không hành lễ”. Tuy nhiên, việc cầu nguyện bù cũng mang tính chất ‘ước lệ’ đối với những người Chăm di cư làm việc trong các nhà máy, xí nghiệp.

Trong việc ăn uống, những công ty có bếp ăn tập thể, người Chăm không dùng cơm trưa của công ty nhằm đảm bảo nguyên tắc halal theo Giáo luật và họ mang bữa trưa theo để dùng. Mặc dù không dùng bữa trưa với đồng nghiệp có thể hạn chế mức độ giao tiếp nhưng chúng tôi cho rằng, đây là một thích nghi rất tốt của người Chăm. *“Thường đi làm ở công ty thì người Chăm đem cơm từ nhà theo, ăn theo khẩu phần của mình và ăn uống riêng biệt nên không gặp khó khăn gì. Nếu mình ăn cơm của mình thì công ty sẽ cho tiền cơm một bữa ăn là 20.000 đồng”* (Phỏng vấn sâu, nam, 45 tuổi, công nhân).

Về cách ăn mặc, người Chăm vẫn mặc theo phong tục của người Chăm Hồi giáo (Phan Thị Yến Tuyết, 1993) tại cộng đồng. Tuy nhiên, những người làm công nhân vẫn tuân thủ theo đồng phục của các công ty. Philip Taylor (2007) cho rằng, người Chăm có những kỹ năng thuần thục về mua bán, giao tiếp và thích nghi ở những nơi họ di cư đến. Chúng tôi ủng hộ quan điểm này và cho rằng người Chăm rất chủ động, linh hoạt, và phải nỗ lực rất nhiều để vừa hoàn thành

bổn phận của một người theo Hồi giáo vừa phải thích nghi để hội nhập tốt hơn trong công việc với người Việt không theo Hồi giáo.

Nghiên cứu của Allen (2009) cho rằng phụ nữ Somali phải từ chối trang phục truyền thống của họ và chấp nhận ăn mặc kiểu phương Tây và điều đó bị cấm trong bối cảnh công cộng bởi một số cách giải thích theo kinh Koran. Dữ liệu nghiên cứu về người Chăm trong bối cảnh một cộng đồng chung với người Việt tại TP HCM, việc người Chăm Hồi giáo ăn mặc cho phù hợp với công việc cũng được chấp nhận rộng rãi trong cộng đồng. Trong phỏng vấn của chúng tôi, người Chăm cho rằng vì cần có công việc làm để mưu sinh nên họ đã chủ động, linh hoạt để thích nghi với công việc và cuộc sống hàng ngày.

Ăn theo thuở ở theo thời. Bây giờ đổi mới hết trơn rồi. Dân tộc Chăm hồi xưa là cấm cung. Bây giờ thì làm không đúng như thời xưa, ngày xưa là 10 phần bây giờ là còn 4 hoặc 5 thôi. Người nào giữ được thì nhờ, người nào không làm được thì tội ai thì người đó chịu (Trích phỏng vấn sâu, nam, 45 tuổi, công nhân).

Đi làm người ta không cho mình che khăn kín mặt đâu. Trong lòng mình không thoải mái nhưng do công việc nên bắt buộc mình phải như vậy thôi, vì mình làm như vậy mình cũng mang tội nhưng mà mình làm giống y như bên mình cũng không được. [...] Lúc mới đi làm em có xin bên quản lý cho đội khăn nhưng họ không cho vì sợ vướng cho nên em mặc như người

Việt luôn. Không phải công ty người ta khó mà người ta cũng muốn giữ an toàn cho mình thôi (Trích phỏng vấn sâu, nữ, 30 tuổi, công nhân).

Người Chăm Hồi giáo có những hạn chế nhất định trong việc tiếp cận các chính sách an sinh xã hội của Thành phố hay tại nơi đến. Cụ thể, trẻ em người Chăm thường không đi mẫu giáo hay nhà trẻ của người Việt, trong đó có nguyên nhân do chế độ ăn uống liên quan đến việc kiêng dùng thịt heo và các thức ăn liên quan đến việc tuân thủ nguyên tắc halal. Do đó, đa số những người lớn tuổi trong cộng đồng phải ở nhà giữ trẻ hoặc vài gia đình nhận giữ trẻ tại nhà để các bà mẹ đi làm.

Khía cạnh giới, chúng tôi thấy rằng, phụ nữ người Chăm đã khắc phục được những bất tiện để đảm bảo có việc làm trong khi vẫn giữ được những quy định của Hồi giáo theo đúng tinh thần của một tín đồ Hồi giáo. Phụ nữ Chăm Hồi giáo không chỉ khắc phục những khó khăn của bản thân trong khi tuân thủ giáo luật, mặt khác còn vượt qua tư tưởng gia trưởng của nam giới để hội nhập vào cuộc sống tại nơi đến.

Chị D., 30 tuổi, chồng buôn bán ở Tây Ninh, khoảng một tuần về nhà một lần. Có hai con, một cháu học lớp 4, gửi cho mẹ chị chăm sóc ở quê, một cháu học lớp 1 nhưng đã vừa nghỉ và hiện ở nhà một mình, thỉnh thoảng chị nhờ hàng xóm trông chừng giúp. Trước đây gia đình chị từ An Giang lên Gò Vấp, chồng chị là hướng dẫn viên du lịch và là thầy giáo dạy kinh Koran, chị chỉ ở

nhà chăm sóc nhà cửa và con nhỏ. Đại dịch COVID-19 bắt đầu (năm 2020), chồng chị thất nghiệp. Chị khuyên chồng đến xã Tân Phú Trung (Củ Chi) sinh sống, chị phụ làm công nhân để có thêm thu nhập trang trải cuộc sống. Lúc đầu, chồng chị không đồng ý, chị bỏ về quê, chồng chị ở lại. Sau hai năm ở quê thì chồng chị cũng nhất quyết không đồng ý đến Củ Chi. Sau đó chị nhờ chị em của chị ở Củ Chi mượn phòng trọ và chủ động đến Củ Chi sinh sống, đi làm công nhân, tự trang trải cho cuộc sống. Một thời gian sau, chồng chị thấy không khuyên được chị nên đành phải theo chị về Củ Chi cho đến nay.

Một trường hợp khác:

Chị H., 31 tuổi, hiện tại ở nhà trông 3 con nhỏ, chồng buôn bán rong. Trước đây chị làm công nhân cho công ty may được 6 năm và đã nghỉ để sinh con (em bé nay gần 3 tuổi). Lúc sinh hai con đầu, chưa đầy 12 tháng tuổi chị đã phải đi làm công nhân và gửi con cho mẹ chị trông giúp, đưa con sau này chị cũng đã từng gửi cho mẹ nhưng vì đưa bé quá khó, chị cố gắng trong một vài tháng tới sẽ đi làm trở lại. Chị cho biết, lúc đầu xin đi làm, chồng không đồng ý và cứ thế chị cứ năn nỉ hoài. Lý do chồng chị không cho đi làm là bắt buộc chị phải ở nhà giữ con, chăm sóc gia đình và chỉ để một mình chồng chị đi làm là đủ. Sau khi đi làm, chị thấy cuộc sống của chị thoải mái hơn rất nhiều chứ chồng chị buôn bán không đủ tiền chi tiêu. Chị muốn chia sẻ việc làm và thu nhập cùng với chồng. Bản thân chị rất thích đi làm vì chỉ có làm việc thì mới có thu nhập để trang trải cuộc sống phụ giúp chồng và gia đình.

Qua câu chuyện của hai thông tin viên trên và nhiều trường hợp khác, chúng tôi thấy rằng, phụ nữ người Chăm hiện nay đã rất chủ động mà không còn lệ thuộc quá nhiều vào chồng hay con trai (nếu họ còn khả năng làm việc). Xã hội ngày càng phát triển và nhu cầu cần có một cuộc sống tốt hơn đã thôi thúc họ. Mặc dù nữ giới chịu nhiều sự ràng buộc của giáo luật Hồi giáo cũng như những định kiến phân biệt giới trong xã hội chịu sự chi phối mạnh mẽ của Hồi giáo nhưng người phụ nữ Chăm đã rất linh hoạt và chủ động để vừa giữ được giáo luật Hồi giáo vừa có công ăn việc làm, tạo thu nhập, đỡ bớt gánh nặng tài chính cho chồng và con trai.

Trong một chiều kích khác, phía người đàn ông/người chồng, mặc dù sự bảo thủ và tự tôn của nam giới vẫn còn, đàn ông người Chăm di cư cũng bắt đầu có những thay đổi tích cực hơn trong ứng xử đối với phụ nữ. Họ đã chấp nhận cho vợ hay con gái ra ngoài xã hội làm việc kiếm tiền.

Hiện tại hầu như gia đình nào cũng có vợ đi làm. Đàn bà người Chăm đi làm như vậy là làm mất thể diện, quyền hạn của đàn ông. Nhưng giờ khó khăn quá thì cả vợ cả chồng cùng đi làm mới có ăn. Nhiều phụ nữ đi làm về bị chồng rầy, nói “đi làm sao không đội khăn” nhưng công ty đâu có cho mà đội. Vì gia đình khó khăn thì buộc phải chịu thôi. Đàn ông muốn dùng quyền lực cũng đâu có được (Trích phỏng vấn sâu, nam, 54 tuổi, công nhân).

3.2. Thiết lập mối quan hệ bạn bè - đồng nghiệp là người khác tộc người

Các cuộc nghiên cứu về người nhập cư cũng đã chú ý về vai trò và tác động của mạng lưới xã hội trong quá trình di cư. Những thông tin và trợ giúp trong việc lựa chọn nơi đến cũng như sự trợ giúp và ủng hộ tại nơi đến của người nhập cư thông qua các mối quan hệ họ hàng, bạn bè đóng vai trò quan trọng đối với người di cư (Bilecen và cộng sự, 2017; Haug, 2008; Đặng Nguyên Anh, 1998). Trong bài viết này, chúng tôi không nghiên cứu vấn đề mạng lưới xã hội đối với những người nhập cư mà chỉ tìm hiểu khả năng thiết lập và mở rộng các mối quan hệ bạn bè - đồng nghiệp với người khác tộc người, cũng như việc giữ mối quan hệ viếng thăm thường xuyên với bạn bè - đồng nghiệp khác tộc người. Đây là một trong những chỉ báo về hội nhập tại nơi đến của người Chăm.

Mối quan hệ bạn bè và người thân quen của người nhập cư là một trong những nguồn lực quan trọng để giúp giải quyết những vấn đề rắc rối xảy ra hàng ngày. Qua quá trình cộng cư, cư trú đan xen tại TPHCM với cộng đồng người Việt, người Chăm đã thiết lập quan hệ bạn bè - đồng nghiệp như thế nào? Kết quả khảo sát 105 hộ gia đình, trong số 248 người Chăm có thông tin và trên 15 tuổi, một tỷ lệ khá khiêm tốn là 55,2% người có bạn bè - đồng nghiệp là người khác tộc người (chủ yếu là người Việt)⁽⁷⁾. Tỷ lệ trên

có thể được xem là một chỉ báo hội nhập và nó cho thấy khả năng hội nhập của người Chăm Hồi giáo là chưa tốt. Việc người Chăm Hồi giáo có tỷ lệ kết bạn với người Việt còn thấp do cộng đồng người Chăm Hồi giáo là cộng đồng sống khá khép kín. Họ sống tập trung ở những khu nhà trọ hầu như dành riêng cho người Hồi giáo để tương trợ và để thực hành đức tin theo giáo luật Hồi giáo. Có thể nói lối sống khá biệt lập của họ chính là ý thức duy trì truyền thống văn hóa theo Hồi giáo của họ. Tuy nhiên, số liệu cũng cho thấy tỷ lệ có bạn bè - đồng nghiệp là người Việt

cao hơn ở nhóm những người tuổi trẻ và nhóm làm công nhân so với nhóm những người tuổi cao và nhóm làm công việc buôn bán rong và lao động phổ thông.

Cụ thể nhóm 15-29 tuổi có bạn bè - đồng nghiệp là người Việt chiếm đến 70,9%, nhóm 30-44 tuổi chiếm 57,3% và nhóm 45-59 tuổi chiếm 41,2%. Như vậy, có thể nói tuổi càng trẻ thì khả năng kết bạn với người khác tộc người càng cao (Kiểm định Chi-square, giữa biến phụ thuộc là “có bạn bè - đồng nghiệp là người khác tộc người” với biến độc lập là “nhóm tuổi” có Sig = 0,001).

Bảng 1. Thiết lập bạn bè - đồng nghiệp khác tộc người chia theo nhóm tuổi

		Nhóm tuổi			Tổng số
		15-29 tuổi	30-44 tuổi	45-59 tuổi	
Không có bạn bè khác tộc người	Số người	25	32	40	97
	%	29,1	42,7	58,8	42,4
Có bạn bè khác tộc người	Số người	61	43	28	132
	%	70,9	57,3	41,2	57,6
Tổng số	Số người	86	75	68	229
	%	100,0	100,0	100,0	100,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu khảo sát năm 2022.

Bảng 2. Thiết lập bạn bè - đồng nghiệp khác tộc người chia theo việc làm

		Việc làm				Tổng số
		Lao động phổ thông	Công nhân	Buôn bán rong	Không có việc làm tạo thu nhập	
Không có bạn bè khác tộc người	Số người	11	36	21	29	97
	%	42,3	31,0	47,7	67,4	42,4
Có bạn bè khác tộc người	Số người	15	80	23	14	132
	%	57,7	69,0	52,3	32,6	57,6
Tổng số	Số người	26	116	44	43	229
	%	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu khảo sát năm 2022.

Tương tự, nhóm những người làm công nhân có bạn bè là người khác tộc người cao hơn người làm công việc lao động phổ thông và buôn bán rong (xem Bảng 2). Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê (Kiểm định Chi-square, Sig = 0,001) và điều đó cho thấy nghề nghiệp hay việc làm có vai trò nhất định trong việc thiết lập mối quan hệ bạn bè với người khác dân tộc với mình.

Quan hệ bạn bè khác tộc người mặc dù chưa trở thành yếu tố quan trọng trong mạng lưới xã hội của người Chăm di cư nhưng đây là một dấu hiệu cho thấy, người Chăm đã thiết lập được những mối quan hệ xã hội và dần hội nhập vào cộng đồng người Việt tại nơi đến. Chúng tôi cho rằng nhóm người trẻ tuổi và làm công nhân kết bạn là người khác tộc người ngày càng nhiều cho thấy xu hướng giới trẻ có khả năng hội nhập tốt hơn ở lĩnh vực mở rộng các mối quan hệ với người khác tộc người. Những người trẻ tuổi và những người làm công nhân đã có sự hội nhập tốt hơn và họ cũng đã chủ động thay đổi điều kiện hay hoàn cảnh sống khép kín khá phổ biến của cộng đồng người Chăm trong quá trình nhập cư vào TPHCM.

Chính những rào cản là khác biệt trong ẩm thực (kiêng ăn thịt heo và giữ các quy tắc về halal) và việc thực hành bốn phận quan trọng là nhịn chay vào tháng Ramadan theo giáo luật Hồi giáo làm cho người Chăm Hồi giáo có tỷ lệ có bạn bè - đồng nghiệp là người khác tộc người còn khá

khiểm tốn như đã nêu trên. Tuy nhiên, điểm đáng chú ý là người Chăm Hồi giáo nhập cư vào TPHCM vẫn xem việc kết bạn bè khác tộc người là quan trọng. Đây là một nỗ lực của người Chăm để hòa nhập. Các phỏng vấn sâu cho thấy những bạn trẻ người Chăm Hồi giáo đã nỗ lực khắc phục những khó khăn của bản thân trong việc tuân thủ giáo luật trong khi vẫn hòa đồng cũng như sẵn sàng cho việc mở rộng các mối quan hệ mới với người Việt. Phỏng vấn nhóm các bạn trẻ người Chăm làm công nhân, họ cho rằng, do chế độ ăn uống khác nhau nên chưa từng đi ăn cùng. Tuy nhiên, họ cố gắng duy trì các dịp đi chơi, uống trà sữa và cà phê cùng với nhau nhằm mục đích là củng cố tình bạn.

Dữ liệu khảo sát cho thấy việc kết bạn bè - đồng nghiệp với người Việt chủ yếu là kết bạn chơi, xã giao bình thường chứ chưa phải giúp đỡ nhau trong công việc hàng ngày. Cụ thể, trong việc giúp tìm việc làm, trong số 207 người đang có việc làm, có 44,9% (93 người) có người khác tìm việc làm giúp, trong đó chỉ có 5,4% (5 cá nhân) là nhờ người khác tộc người giúp đỡ tìm việc. Mối quan hệ bạn bè là nguồn lực quan trọng khi gặp khó khăn trong cuộc sống hàng ngày. Tuy nhiên, số lượng bạn bè khác tộc người của người Chăm chưa nhiều về số lượng trong đó cũng có ít người có khả năng để giúp đỡ họ trong cuộc sống hàng ngày, cụ thể là tìm việc làm.

Ở khía cạnh giới, dữ liệu cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê

giữa nam giới và nữ giới về tỷ lệ có bạn bè khác tộc người nhưng ở ngưỡng mà sự khác biệt giới có xu hướng bị xóa bỏ. Cụ thể là tỷ lệ nam giới có bạn bè khác tộc người là 64% trong khi nữ là 51,3% và kiểm định Chi-square cho Sig = 0,050 nghĩa là sự khác biệt có ý nghĩa thống kê chỉ ở mức thấp nhất và có thể bị vượt qua.

Bảng 3. Thiết lập bạn bè - đồng nghiệp khác tộc người chia theo giới

		Giới		Tổng số
		Nam	Nữ	
Không có bạn bè khác tộc người	Số người	41	56	97
	%	36,0	48,7	42,4
Có bạn bè khác tộc người	Số người	73	59	132
	%	64,0	51,3	57,6
Tổng số	Số người	114	115	229
	%	100,0	100,0	100,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu khảo sát năm 2022.

Nam giới Chăm Hồi giáo trước đây thường đi bán rong và có điều kiện hơn so với nữ trong việc kết bạn với người Việt và có nhiều dịp chuyện trò với nhau bên ly cà phê chứ không chỉ chào hỏi xã giao.

Con trai thì có thời gian nhiều, nên có bạn bè nhiều và đàn ông đi buôn bán nên có bạn nhiều hơn. Bản thân em đi buôn bán từ nhỏ nên em cũng có bạn người Việt, cũng có chơi với nhau đi uống cà phê chứ không chỉ xã giao. Người Việt vui, tốt, họ cũng thoải mái chứ họ không có khó khăn với mình (Trích phỏng vấn, nam, 29 tuổi, buôn bán rong).

Gần đây đã có nhiều người Chăm bỏ nghề buôn bán rong và tìm việc làm trong các khu công nghiệp. Làm công nhân thì hầu như người Chăm nào cũng có bạn là người Việt kể cả nam lẫn nữ, nhưng mức độ thân sơ thì tùy vào hoàn cảnh cụ thể của mỗi người, nhất là vào ngày nghỉ họ phải nghỉ ngơi để giữ sức khỏe cho công việc tuần sau, khiến cho họ tự hạn chế việc giao du của mình. Việc giới nữ Chăm Hồi giáo mời bạn bè là người Việt đến nhà/phòng trọ chơi có lẽ khá hiếm hoi mà chỉ thường với bạn bè nữ là người Chăm Hồi giáo.

Em có bạn là người Việt ở công ty thì có, còn về nhà thì không có bạn, đi làm về là ở trong nhà nghỉ ngơi, có một ngày chủ nhật là nghỉ ngơi để dành sức khỏe để ngày mai đi làm tiếp (Trích phỏng vấn sâu, nam, 45 tuổi, công nhân).

Em có bạn, nhưng không thân lắm, nói chuyện vì công việc thôi, không đi chơi, uống nước thôi. Chủ nhật là ở trong phòng, chơi với người Chăm. Mình muốn có bạn người Việt thì phải tiếp xúc, ở Gò Vấp là nhà ai nấy ở, không có một cộng đồng như ở đây (Trích phỏng vấn sâu, nữ, 30 tuổi, công nhân).

Với phụ nữ đã đứng tuổi thì việc kết bạn với người Việt gần như không phải là một nhu cầu và không được họ quan tâm lắm. Quan hệ đồng nghiệp của họ chỉ thể hiện qua trao đổi công việc chứ không nhằm thiết lập mối quan hệ thân hữu, bạn bè.

Tôi không có bạn người Việt, chỉ là mình nói chuyện trong công ty chơi thôi,

chứ không có bạn. Bên người Chăm mình rất khó, đàn ông rất khó, đàn ông đến cưới mình, thành vợ thành chồng, chứ mình không được đi chơi. Nam giới cũng ít, đàn ông đi giao lưu, đi buôn bán, người ta giao tiếp, sau một thời gian có bạn. Nữ ít có bạn hơn nam là vậy, mình thành thói quen, khó chủ động mở rộng quan hệ của mình. Một phần là đi làm về mệt là ở nhà thôi hà, chủ nhật ở trong nhà thôi không đi đâu (Trích phỏng vấn sâu, nữ, 52 tuổi, công nhân).

Trong môi trường làm việc, ngược lại với nghiên cứu về việc kết bạn của cộng đồng người Việt di cư tại TPHCM (Nguyễn Thị Nhung, 2009) là những người làm trong khu vực kinh tế chính thức mới có điều kiện và cơ hội để làm quen với những bạn bè mới cùng trong công ty hoặc xí nghiệp nơi làm việc, thì ở cộng đồng người Chăm việc buôn bán hàng rong cũng có điều kiện kết bạn. Theo đó, nam giới buôn bán rong kết bạn nhiều hơn nữ giới cũng làm nghề buôn bán rong. Khả năng thiết lập mối quan hệ bạn bè - đồng nghiệp khác tộc người khác nhau giữa nam và nữ người Chăm di cư cho thấy được yếu tố giới đóng vai trò quan trọng. Yếu tố giới phụ thuộc vào văn hóa của người Chăm, văn hóa sống khép kín của phụ nữ.

3.3. Các hoạt động giải trí

Nghỉ ngơi, giải trí là những chỉ báo thể hiện sự thích nghi với cuộc sống tại nơi đến của những người di cư. Mặc dù người Chăm không trực tiếp về quê thăm gia đình thường xuyên (qua việc hàng năm chỉ về quê vào những

dịp lễ quan trọng) nhưng họ cũng ít tham gia vào các hoạt động giải trí tại cộng đồng. Khác với các nghiên cứu trước đây, cho rằng các hoạt động giải trí của người di cư tại nơi đến rất ít là do vào những ngày nghỉ họ thường trở về quê gốc để thăm viếng gia đình (Nguyễn Thị Nhung, 2009). Đây cũng là một khác biệt điển hình của cộng đồng người Chăm Hồi giáo di cư với người Việt di cư đến TPHCM. Đo lường các loại hình giải trí như tham gia mạng xã hội, uống cà phê ngoài quán, xem ti vi để xem xét việc người Chăm dành thời gian cho việc giải trí. Trong tổng số 215 người đủ 18 tuổi trở lên và có thông tin, kết quả nghiên cứu cho thấy 61,9% số người tham gia vào mạng xã hội, trong đó, tỷ lệ nam giới có tham gia vào mạng xã hội cao hơn nữ giới (72,9% cho nam giới và 50,9% cho nữ giới) và khác biệt có ý nghĩa thống kê (kiểm định Chi-Square, Sig = 0,001).

Bảng 4. Tham gia mạng xã hội

		Giới		Tổng số
		Nam	Nữ	
Không tham gia mạng xã hội	Số người	29	53	82
	%	27,1	49,1	38,1
Có tham gia mạng xã hội	Số người	78	55	133
	%	72,9	50,9	61,9
Tổng số	Số người	107	108	215
	%	100,0	100,0	100,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu khảo sát năm 2022.

Đáng chú ý là tỷ lệ có xem ti vi chỉ chiếm 50,2% và tỷ lệ nam cao hơn tỷ lệ nữ (nam 54,2% và nữ 46,3%) tuy nhiên tỷ lệ khác biệt này là chưa đạt

mức ý nghĩa thống kê. Tỷ lệ xem ti vi thấp có thể do hạn chế thời gian hoặc họ đã có smartphone hay điện thoại thông minh để thay thế.

Bảng 5. Xem ti vi

		Giới		Tổng số
		Nam	Nữ	
Không xem ti vi	Số người	49	58	107
	%	45,8	53,7	49,8
Có xem ti vi	Số người	58	50	108
	%	54,2	46,3	50,2
Tổng số	Số người	107	108	215
	%	100,0	100,0	100,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu khảo sát năm 2022.

Kết quả cũng cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa nam và nữ trong việc uống cà phê ngoài quán (kiểm định Chi-Square, Sig = 0,000), tỷ lệ nam giới cao hơn tỷ lệ nữ giới (38,3% và 13%). Cũng cần lưu ý thêm là nam giới người Chăm rất thích uống cà phê, nhất là vào trước các lần lễ hàng ngày, lúc sáng sớm (5-6 giờ sáng) hoặc buổi trưa (khoảng ngay sau 12 giờ), buổi xế chiều (khoảng 16 giờ). Có lẽ một phần vì phải dậy sớm để làm lễ hoặc tập trung với nhau xung quanh thánh đường trước giờ lễ mà nam giới người Chăm Hồi giáo thường uống cà phê với nhau. Có thể dễ dàng nhận thấy xung quanh thánh đường Hồi giáo thường có vài quán cà phê và đó cũng là nơi nam giới vừa nhấm nháp cà phê vừa chuyện vãn với nhau. Trong khi đó phụ nữ phải lo việc nội trợ trong gia đình và họ chỉ gặp nhau trong các dịp cưới hỏi, tang

ma, cúng tuần... Khi làm lễ, phụ nữ Chăm Hồi giáo được khuyến khích làm lễ tại nhà sẽ tốt hơn đến thánh đường. Tâm lý phụ nữ Chăm Hồi giáo không thích đám đông, không tụ tập ăn uống ở quán... vì vậy mà tỷ lệ nữ uống cà phê với nhau rất thấp so với nam giới.

Bảng 6. Uống cà phê ngoài quán

		Giới		Tổng số
		Nam	Nữ	
Không uống cà phê ngoài quán	Số người	65	94	159
	%	60,7	87,0	74,0
Có uống cà phê ngoài quán	Số người	42	14	56
	%	39,3	13,0	26,0
Tổng số	Số người	107	108	215
	%	100,0	100,0	100,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu khảo sát năm 2022.

Bảng 7. Tham gia vào các hoạt động giải trí khác

	Số người có tham gia các hoạt động giải trí	Tỷ lệ (%)
Đi xem phim, kịch, cải lương, biểu diễn nghệ thuật	7	3,3
Đi hát karaoke, khiêu vũ...	14	6,5
Chơi thể dục thể thao	19	8,8
Đi du lịch	13	6,0
Tổng số người từ 18 tuổi trở lên: 215 người		

Nguồn: Tính toán từ số liệu khảo sát năm 2022.

Ngoài ra, các hoạt động giải trí khác (như đi xem phim, kịch, cải lương, biểu diễn nghệ thuật; chơi thể dục thể thao; đi du lịch), tuy nhiên, mức độ

tham gia vào các hoạt động giải trí này rất hạn chế, có tỷ lệ tham gia rất ít. Cụ thể như đi xem phim, kịch, cải lương, biểu diễn nghệ thuật chỉ có 7/215 người (chiếm 3,3%), đi hát karaoke chiếm 6,5%, chơi thể thao chiếm 8,8% và đi du lịch chiếm 6%.

Phòng vấn sâu các cá nhân về việc nghỉ ngơi giải trí của mình, đa phần cả phụ nữ và nam giới họ không đi ra khỏi nhà vào ngày nghỉ. Phụ nữ chủ yếu lo việc nhà, nam giới chủ yếu nghỉ ngơi để giữ gìn sức khỏe đi làm tiếp.

Trường hợp nam, công nhân, 45 tuổi, lương 7 triệu đồng một tháng, nếu tăng ca thì được 9-10 triệu đồng một tháng. Hàng năm, gia đình anh chỉ về nhà vào dịp Tết Nguyên đán (Tết người Việt). Ngoài giờ làm việc ra, anh về nhà và chỉ ở trong nhà, không xem tivi, không giải trí, chỉ có dành thời gian để nghỉ ngơi.

Trường hợp nữ, công nhân, 30 tuổi, lương 6 triệu đồng một tháng. Hàng năm chỉ về quê vào dịp Tết Nguyên đán (Tết của người Việt). Đi làm về là làm việc nhà là xong. Không học hỏi kiến thức thêm, trời cho bao nhiêu thì ăn bấy nhiêu. Chị có điện thoại Smartphone và chỉ giải trí trên điện thoại thông qua mạng xã hội. Thời gian của phụ nữ chỉ làm việc nhà, còn một ít thời gian thì chị giải trí như vào Facebook.

Cộng đồng người Chăm ở xã Tân Phú Trung, phần lớn chỉ về quê của họ vào dịp Tết Nguyên đán, thậm chí tháng nhịn chay Ramadan thì họ cũng ở lại TPHCM làm các công việc như thường ngày. Những người buôn bán

rong thì buôn bán buổi sáng và buổi chiều nhịn chay cho đến lúc mặt trời lặn, người làm công nhân thì thông thường là không nhịn chay vì phải làm việc cả ngày vì lý do sức khỏe. Do đó, việc nghỉ ngơi, giải trí của họ không nhiều vì phần lớn thời gian để chăm sóc gia đình và nghỉ ngơi sau những ngày làm việc vất vả.

Như vậy, kết quả cho thấy người Chăm ít tham gia các hoạt động giải trí nói chung và phụ nữ ít tham gia các hoạt động giải trí hơn nam. Giả thuyết của chúng tôi là các hoạt động giải trí mà chúng tôi đã phân tích mang tính đại chúng và gần gũi với người Việt hơn cho nên người Chăm ít tham gia. Cụ thể hơn chúng tôi xem xét việc người Chăm có thường xuyên nghe chương trình của Đài Tiếng nói Nhân dân TPHCM phát thanh bằng tiếng Chăm. Hiện tại, Đài Tiếng nói Nhân dân TPHCM, có chương trình phát thanh bằng tiếng Chăm, phát sóng một ngày 10 phút, lúc 19 giờ 10 phút hàng ngày. Chương trình này rất phổ biến ở cộng đồng người Chăm sống ở các quận nội thành TPHCM, đã bắt đầu phát sóng từ năm 2017. Hiện tại, chương trình này có hai hình thức nghe: trực tiếp tại website voh.com.vn và phát trực tiếp trên sóng radio. Tuy nhiên, kết quả khảo sát của chúng tôi cho thấy người Chăm ở xã Tân Phú Trung rất ít biết về thông tin này, chỉ có 8,8% số người từ 18 tuổi trở lên biết thông tin này. Cộng đồng người Chăm ở xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi ít biết về một chương trình cụ thể

được phát thanh bằng tiếng của dân tộc mình mà hiện đang rất phổ biến ở các cộng đồng người Chăm sinh sống lâu năm tại TPHCM cho thấy rằng người Chăm di cư ở xã Tân Phú Trung còn hạn chế về mặt thông tin, kể cả các thông tin về giải trí.

Bảng 8. Có biết chương trình phát thanh bằng tiếng Chăm (của Đài Tiếng nói Nhân dân TPHCM)

	Số người	Tỷ lệ (%)
Không biết chương trình	196	91,2
Có biết chương trình	19	8,8
Tổng số	215	100,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu khảo sát năm 2022.

4. KẾT LUẬN

Mặc dù nữ giới chịu nhiều sự ràng buộc của giáo luật Hồi giáo nhưng người phụ nữ Chăm đã rất linh hoạt và chủ động để vừa giữ được giáo

luật Hồi giáo vừa có công ăn việc làm, tạo thu nhập, đỡ bớt gánh nặng tài chính cho chồng và con trai. Văn hóa khá khép kín của người Chăm đã ràng buộc phụ nữ khó thoát ra khỏi phạm vi gia đình để thiết lập mối quan hệ bạn bè - đồng nghiệp khác tộc người và các hoạt động giải trí của họ cũng hạn chế hơn nam giới. Nhìn chung, người Chăm di cư chưa thật sự hội nhập tốt về mặt văn hóa - xã hội trong cuộc sống ở TPHCM. Tuy nhiên, một bộ phận các cư dân trẻ tuổi và làm công nhân đã chủ động thích nghi với môi trường mới và dần hội nhập tốt hơn ở lĩnh vực văn hóa - xã hội. Có thể nói, đây là một cộng đồng người Chăm mới di cư đến TPHCM, do đó, họ chỉ chú trọng làm ăn kinh tế và hội nhập tốt ở lĩnh vực này. Tuy nhiên, về mặt văn hóa - xã hội, họ chưa hội nhập tốt và nam giới hội nhập tốt hơn nữ giới. □

CHÚ THÍCH

(1) Đề tài cơ sở năm 2022, do tác giả làm chủ nhiệm, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ là cơ quan chủ trì.

(2) Số liệu khảo sát cho thấy, quê gốc của người Chăm ở xã Tân Phú Trung là: 83,5% là ở xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, An Giang; 9,3% là các nơi khác ở An Giang; 7,2% là nơi khác ngoài An Giang.

(3) Theo báo cáo của Ban Đại diện cộng đồng Chăm Hồi giáo xã Tân Phú Trung, báo cáo cho Ủy ban nhân dân xã Tân Phú Trung, nhân dịp hỗ trợ cho đại dịch COVID-19, tháng 10/2021.

(4) Dân số người Chăm toàn TPHCM là 10.509 người (Tổng cục Thống kê, 2019).

(5) Là khoảng lấy mẫu phụ thuộc vào kích thước của tổng thể và số lượng các đơn vị trong mẫu. Nếu tổng thể có 10.000 người và bạn lấy mẫu 400, thì sau khi có khung mẫu (danh sách của 10.000 tên) bạn cần lấy từ người thứ 25 cách đều ($400 \times 25 = 10.000$) để chắc chắn rằng mỗi người có ít nhất một cơ hội được chọn (Bernard, 2007: 86).

(6) Được người dân trong làng kính trọng với vai trò là người lãnh đạo tinh thần cao nhất trong cộng đồng cư trú hay một đơn vị hành lễ của người Chăm Hồi giáo.

(7) Trong tổng số 132 người Chăm có bạn bè là người khác tộc người, có 13 người (chiếm 9,8%) có bạn là người Khmer (đồng thời có bạn với người Việt) và 2 người (chiếm 1,5%) có bạn là người Êđê.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Allen, R. 2009. "Benefit or Burden? Social Capital, Gender, and the Economic Adaptation of Refugees". *The International Migration Review*, Vol. 43, No. 2, pp. 332-365.
2. Bernard, R. 2007. *Các phương pháp nghiên cứu trong nhân học: Tiếp cận định tính và định lượng* (Hoàng Trọng, Ngô Thị Phương Lan, Trương Thị Thu Hằng dịch). TP HCM: Nxb. Đại học Quốc gia TP HCM.
3. Bhatia, S. and Ram, A. 2009. "Theorizing Identity in Transnational and Diaspora Cultures: a Critical Approach to Acculturation". *International Journal of Intercultural Relations*, 33, 2, pp. 140-149.
4. Bilecen, B., Gamper, M., Lubbers, M.J. 2017. The Missing Link: Social Network Analysis in Migration and Transnationalism. *Social Networks*, S0378873317302575- doi:10.1016/j.socnet.2017.07.001.
5. Castles, S., Korac, M., Vasta, E. and Vertovec, S. 2003. *Integration: Mapping the Field*. London: Home Office Report 28/03.
6. Cheung, S. and Phillimore, J. 2017. Gender and Refugee Integration: a Quantitative Analysis of Integration and Social Policy Outcomes. *Jnl Soc. Pol*, 46, 2, pp. 211-230. <https://doi:10.1017/S0047279416000775>.
7. Đặng Nguyên Anh. 1998. "Vai trò của mạng lưới xã hội trong quá trình di cư", trong *Chính sách di dân ở Châu Á* (Đỗ Văn Hòa chủ biên). Hà Nội: Nxb. Nông nghiệp.
8. Haug, S. 2008. Migration Networks and Migration Decision-Making. *Journal of Ethnic and Migration Studies*, 34(4), pp. 585-605. doi:10.1080/13691830801961605.
9. Huỳnh Ngọc Thu. 2005. "Tính dung nạp của văn hóa đô thị - Trường hợp cộng đồng Chăm Islam" TP HCM, trong Phú Văn Hân, Lý Tùng Hiếu (chủ biên) *Đời sống văn hóa và xã hội người Chăm TP HCM* (Raidiuk ilamu saong sosol urang Cham ban raya Ho Chi Minh). TP HCM: Nxb. Văn hóa Dân tộc, trang 77-84.
10. Modood T. 2007. *Multiculturalism*. Cambridge, Malden: Polity Press.
11. Nguyễn Thị Nhung. 2009. Gender and the Urban Integration of Migrants in Ho Chi Minh City, In *Urbanization Migration and Poverty in a Vietnamese Metropolis*, Edited by Hy V. Luong. NUS Press Singapore. pp.103-133.
12. Nguyễn Thị Thu Thủy. 2011. "Cộng đồng người Chăm Islam TP HCM trong bối cảnh xã hội đô thị (Nghiên cứu trường hợp quận Phú Nhuận)". *Tạp chí Khoa học Xã hội TP HCM*, số 5 (153), trang 38-44.
13. Pennix, R. 2003. "Integration: the Role of Communities, Institutions and the State", in *Migration Information Source*. <http://www.migrationpolicy.org/article/integration-role-communities-institutions-and-state>. Accessed 15/9/15.
14. Phan Thị Yến Tuyết. 1993. *Nhà ở - trang phục - ăn uống của các dân tộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

15. Phan Văn Dốp. 2012. “Hồi giáo trong đời sống của người Chăm ở Nam Bộ”. *Tạp chí Khoa học Xã hội TPHCM*, số 5 (165), trang 54-62.
16. Phan Văn Dốp, Nguyễn Thị Nhung. 2006. *Cộng đồng người Chăm Hồi giáo ở Nam Bộ trong quan hệ giới và phát triển*. Hà Nội: Nxb. Nông nghiệp.
17. Phan Văn Dốp, Nguyễn Thị Nhung. 2018. “Quan hệ đồng tộc và văn hóa - tôn giáo: Mạng lưới cho hoạt động mưu sinh xuyên quốc gia của người Chăm ở tỉnh An Giang”. *Tạp chí Dân tộc học*, số 1 (205).
18. Phillimore, J. 2012. “Implementing Integration in the UK: Lessons for Integration Theory, Policy and Practice”. *Policy & Politics*, 40, 4, pp. 525-545.
19. Phú Văn Hãn, Lý Tùng Hiếu. 2005. “Đời sống văn hóa của người Chăm TPHCM - Hiện trạng và vấn đề”, trong Phú Văn Hãn, Lý Tùng Hiếu (chủ biên) *Đời sống văn hóa và xã hội người Chăm TPHCM* (Raidiuk ilamu saong sosol urang Cham ban raya Ho Chi Minh). TPHCM: Nxb. Văn hóa Dân tộc, trang 23-33.
20. Rieger, J.H. and J.A. Beegle. 1994. “Integration of Migrants in New Settings”. *Rural Sociology*, Vol.39, 197, p. 43, dẫn lại của Jamilah Ariffin, *From Kampung to Urban Factories: Findings from the HAWA Study*. Coordinated and edited by Jamilah Ariffin. University of Malaya Press.
21. Taylor, P. 2006. “Economy in Motion: Cham Muslim Traders in the Mekong Delta”. *The Asia Pacific Journal of Anthropology*, 7 (3), pp. 237-250.
22. Taylor, P., 2007. *Cham Muslims of the Mekong Delta: Place and Mobility in the Cosmopolitan Periphery*. University of Hawaii Press. Honolulu. NUS Press. Singapore. NIAS Press Copenhagen.
23. Thành Phần. 2005. “Đời sống kinh tế - xã hội và vấn đề dân trí của cộng đồng Chăm TPHCM”, trong Phú Văn Hãn, Lý Tùng Hiếu (chủ biên). *Đời sống văn hóa và xã hội người Chăm TPHCM* (Raidiuk ilamu saong sosol urang Cham ban raya Ho Chi Minh). TPHCM: Nxb. Văn hóa Dân tộc, trang 110-116.
24. Tổng cục Thống kê. 2019. *Tổng điều tra dân số và nhà ở*. Số liệu của Cục Thống kê TPHCM cung cấp cho Ban Dân tộc TPHCM theo số liệu Tổng điều tra dân số ngày 1/4/2019.
25. Võ Công Nguyễn. 2018. *Báo cáo tổng hợp đề tài Nghiên cứu tổng thể vấn đề dân tộc đối với việc phát triển bền vững vùng Nam Bộ*. Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ. MS: KHCN-TNB.ĐT/14-19/X06.
26. Võ Thị Mỹ. 2012. “Phụ nữ Chăm trong tôn giáo Islam”, trong Vương Hoàng Trù, Phú Văn Hãn (chủ biên). *Một số vấn đề về dân tộc và tôn giáo ở Nam Bộ trong phát triển*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội, trang 513-530.